

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 02 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ và tiến sĩ ban hành kèm Quyết định số 136/QĐ-ĐHCNTT ngày 12 tháng 3 năm 2021 của Trường Đại học Công nghệ Thông tin

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Căn cứ Quyết định số 134/2006/QĐ-TTg, ngày 08 tháng 6 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Công nghệ Thông tin thuộc Đại học Quốc gia TP. HCM (ĐHQG-HCM);

Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT, ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT, ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 867/QĐ-ĐHQG, ngày 17 tháng 8 năm 2016 của Giám đốc ĐHQG-HCM về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường đại học thành viên và khoa trực thuộc ĐHQG-HCM;

Căn cứ Quyết định số 113/QĐ-ĐHQG, ngày 04 tháng 02 năm 2021 của Giám đốc ĐHQG-HCM về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ thạc sĩ và tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 136/QĐ-ĐHCNTT, ngày 12 tháng 3 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Thông tin về việc ban hành Quy chế tuyển sinh chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ và tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 1736/QĐ-ĐHQG ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Giám đốc ĐHQG-HCM về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh trình độ thạc sĩ và tiến sĩ ban hành kèm Quyết định số 113/QĐ-ĐHQG ngày 04 tháng 02 năm 2021 của Giám đốc ĐHQG-HCM;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học và Khoa học Công nghệ (ĐTSDH&KH-CN).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ và tiến sĩ ban hành kèm Quyết định số 136/QĐ-ĐHCNTT ngày 12 tháng 3 năm 2021 của Trường Đại học Công nghệ Thông tin (gọi tắt là Quy chế 136).

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 2 như sau:

“Điều 2. Phương thức tuyển sinh và tổ chức tuyển sinh

1. Phương thức tuyển sinh.

a. Trình độ thạc sĩ: tuyển thẳng, xét tuyển, thi tuyển hoặc kết hợp giữa thi tuyển và xét tuyển.

b. Trình độ tiến sĩ: xét tuyển, thi tuyển hoặc kết hợp giữa thi tuyển và xét tuyển.

2. Tổ chức tuyển sinh.

a. Công tác tổ chức tuyển sinh được thực hiện theo một trong ba hình thức sau:

- Trực tiếp.

- Trực tuyến.
- Trực tiếp kết hợp trực tuyến.

b. Hình thức tổ chức tuyển sinh trực tuyến hoặc trực tiếp kết hợp trực tuyến phải đáp ứng những yêu cầu sau:

- Tuân thủ các quy định chung về yêu cầu, điều kiện của từng hoạt động như quá trình tổ chức thi trực tiếp.

- Đối với môn thi tuyển sinh trình độ thạc sĩ, Trường sẽ xây dựng chi tiết bộ đề thi và quy trình tổ chức thi cụ thể đối với từng môn thi, đảm bảo quy định về số lượng đề thi theo quy định hiện hành.

- Đối với việc tổ chức xét tuyển trình độ tiến sĩ, có tối thiểu 2 thành viên là chủ tịch và thư ký của tiểu ban xét tuyển hoặc người dự tuyển có mặt tại điểm đầu cầu của Trường để bảo vệ đề cương.

- Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh, phần mềm hỗ trợ truyền hình trực tuyến và cơ sở hạ tầng kết nối tổ chức các hoạt động trực tuyến bảo đảm độ an toàn, tính bảo mật, chất lượng về âm thanh, hình ảnh kết nối tới tất cả các đơn vị, cá nhân tham gia.

- Trường cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu hướng dẫn thực hiện và tổ chức tập huấn hướng dẫn kỹ thuật cho các đơn vị, cá nhân liên quan để chuẩn bị năng lực cần thiết trong việc sử dụng các thiết bị, hệ thống và phần mềm hỗ trợ trong kỳ tuyển sinh.

- Trường lưu trữ hồ sơ, minh chứng phù hợp với tình hình thực tế, phục vụ công tác giám sát, kiểm tra, kiểm định chất lượng; diễn biến của các buổi thi, buổi bảo vệ trực tuyến được ghi hình, ghi âm và lưu trữ kèm theo hồ sơ của người dự tuyển; chịu trách nhiệm giải trình, quản lý và lưu trữ tài liệu liên quan để phục vụ công tác giám sát, kiểm tra, kiểm định chất lượng giáo dục và thanh tra trong trường hợp có yêu cầu.

- Trường xây dựng và ban hành văn bản quy định cụ thể về tổ chức tuyển sinh dựa trên Quy chế tuyển sinh của Trường và hướng dẫn của ĐHQG (nếu có), trong đó nêu rõ trách nhiệm của từng đơn vị, cá nhân liên quan, bảo đảm trung thực, chính xác, khách quan như thực hiện trực tiếp và có chế tài khi xảy ra vi phạm.

c. Việc tổ chức tuyển sinh trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh và các trường hợp bất khả kháng khác, Trường thực hiện theo hướng dẫn của ĐHQG-HCM”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

“Điều 3. Đối tượng tuyển sinh

Yêu cầu chung:

- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

- Có đủ sức khoẻ để học tập.

1. Tuyển sinh CTĐT trình độ thạc sĩ:

a. Tuyển thẳng: người tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) trong hệ thống Đại học quốc gia có ngành đúng với ngành đăng ký tuyển thẳng và có năng lực ngoại ngữ được quy định tại Điều 7 của Quy chế này, gồm:

- Người tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ đại học chính quy (hoặc trình độ tương đương trở lên) với chương trình đào tạo từ 150 tín chỉ trở lên;

- Người tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ đại học chính quy loại giỏi có điểm trung bình tích lũy từ 8.0 trở lên (theo thang điểm 10);

- Người tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ đại học chính quy là thủ khoa của ngành;

- Người tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ đại học đạt giải nhất, nhì, ba các kỳ thi Olympic sinh viên trong nước và ngoài nước.

- Thời gian đăng ký tuyển thẳng tối đa là 24 tháng tính từ ngày ký văn bằng tốt nghiệp đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển

b. Xét tuyển: người tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ đại học ngành đúng, ngành gần với ngành đăng ký xét tuyển.

- Người tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ đại học các chương trình đạt chuẩn kiểm định hoặc đánh giá theo các bộ tiêu chuẩn khu vực và quốc tế như AUN-QA, AACSB, ACBSP, ABET, EUR-ACE, FIBAA, CTI.

- Người tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ đại học chính quy từ các cơ sở đào tạo đạt chuẩn kiểm định hoặc đánh giá theo các bộ tiêu chuẩn khu vực và quốc tế như AUN-QA, HCERES có điểm trung bình tích lũy từ 7.0 điểm trở lên (theo thang điểm 10);

- Người tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp chương trình kỹ sư, cử nhân tài năng của Đại học quốc gia;

- Người tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo ở một số trường đại học của Việt Nam, có điểm trung bình tích lũy từ 7.0 điểm trở lên (theo thang điểm 10);

- Người tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ đại học chính quy ngành gần với ngành đăng ký xét tuyển loại giỏi có điểm trung bình tích lũy từ 8.0 điểm trở lên (theo thang điểm 10);

- Người tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ đại học là tác giả chính hoặc tác giả liên hệ của tối thiểu 01 bài báo khoa học đăng trên tạp chí thuộc danh mục Web of Science/Scopus hoặc bài báo đăng trong Hội nghị thuộc danh mục Scopus. Cách ghi công bố quốc tế theo quy định hiện hành của ĐHQG-HCM.

- Sinh viên các ngành đào tạo liên thông từ trình độ đại học lên trình độ thạc sĩ của ĐHQG-HCM;

- Người tốt nghiệp đại học có chứng chỉ quốc tế GMAT (Graduate Management Admission Test), GRE (The Graduate Record Examination) hoặc đạt kỳ thi đánh giá năng lực sau đại học của Đại học Quốc gia còn trong thời gian hiệu lực;

- Người nước ngoài.

- Thời gian đăng ký xét tuyển tối đa là 24 tháng tính từ ngày ký văn bằng tốt nghiệp đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển.

c. Thi tuyển hoặc kết hợp giữa thi tuyển và xét tuyển: Người tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành đúng, ngành gần, ngành khác với ngành dự tuyển không thuộc đối tượng tuyển thẳng và xét tuyển hoặc chưa trúng tuyển theo 2 hình thức trên.

2. Tuyển sinh CTĐT trình độ tiến sĩ:

Người dự tuyển phải đáp ứng các điều kiện sau:

a. Người tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ thạc sĩ, người tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ đại học chính quy loại giỏi có

điểm trung bình tích lũy từ 8.0 trở lên (theo thang điểm 10) ngành đúng, ngành gần, hoặc tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ tương đương trở lên phù hợp với ngành đào tạo tiến sĩ.

b. Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu; hoặc bài báo, báo cáo khoa học đã công bố; hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các CSĐT, tổ chức khoa học và công nghệ.

c. Có năng lực ngoại ngữ được quy định tại Phụ lục 1 của Quy chế 136.

3. Tuyển sinh dự bị tiến sĩ:

a. Người dự tuyển chưa đáp ứng các điều kiện tham gia chương trình đào tạo tiến sĩ có thể nộp hồ sơ xin đăng ký học dự bị tiến sĩ. Trong thời gian tối đa 24 tháng, người học dự bị tiến sĩ có thể hoàn thiện, bổ sung các điều kiện dự tuyển theo quy định để được xét tuyển nghiên cứu sinh chính thức.

b. Việc đăng ký học, tổ chức đào tạo dự bị tiến sĩ được quy định trong Phụ lục 7 của Quy chế 136 và Phụ lục 7 của Quy chế này”

4. Trường hợp điểm trung bình tích lũy của thí sinh được thể hiện theo thang điểm khác sẽ được quy đổi sang thang điểm 10 để làm cơ sở xét tuyển.

5. Đối với người dự tuyển là người Việt Nam tốt nghiệp tại các CSĐT nước ngoài, văn bằng và bảng điểm do CSĐT nước ngoài cấp phải được công chứng tiếng Việt và nộp kèm văn bản công nhận của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục khi nộp hồ sơ dự tuyển. Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh và các trường hợp bất khả kháng khác, Trường có thể ra quyết định công nhận trúng tuyển có điều kiện và yêu cầu người dự tuyển nộp văn bản công nhận của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục trong thời gian 12 tháng kể từ ngày ra quyết định công nhận trúng tuyển có điều kiện; báo cáo cụ thể từng trường hợp đến ĐHQG-HCM.

6. Trường hợp miễn thực hiện thủ tục công nhận văn bằng đối với văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp cho người học được công nhận để sử dụng tại Việt Nam được thực hiện theo Điều 5, Thông tư số 13/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục, thẩm quyền công nhận văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam.

7. Đối với các chứng chỉ ngoại ngữ do tổ chức nước ngoài cấp, Trường thẩm định trước khi công nhận trúng tuyển. Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh và các trường hợp bất khả kháng khác, Trường có thể ra quyết định công nhận trúng tuyển có điều kiện và hoàn tất khâu thẩm định trong thời gian 06 tháng kể từ ngày ra quyết định công nhận trúng tuyển có điều kiện; báo cáo cụ thể từng trường hợp đến ĐHQG-HCM”.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:

“Điều 7. Môn ngoại ngữ

1. Môn thi ngoại ngữ: tiếng Anh.

Môn thi ngoại ngữ được Giám đốc ĐHQG-HCM giao nhiệm vụ cho cơ sở đào tạo hoặc tổ chức có đủ năng lực tổ chức thi.

2. Điều kiện miễn thi môn ngoại ngữ

Người dự tuyển đạt năng lực ngoại ngữ có văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận được quy định tại Phụ lục 1 của Quy chế này.

3. Đối với chương trình đào tạo được dạy và học bằng tiếng nước ngoài, người dự tuyển phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ, cụ thể khi có một trong những văn bằng, chứng chỉ sau đây:

a. Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ sử dụng trong giảng dạy; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình giảng dạy bằng ngôn ngữ nước ngoài (gồm các môn thuộc kiến thức cơ sở ngành; kiến thức chuyên ngành; kiến thức bổ trợ và luận văn/đồ án/khóa luận).

b. Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ của ngôn ngữ sử dụng trong giảng dạy tối thiểu đạt đạt bậc 3/6 (đối với dự tuyển trình độ thạc sĩ) hoặc bậc 4/6 (đối với dự tuyển trình độ tiến sĩ) theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam có thời hạn 2 năm tính từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự tuyển, được cấp bởi một cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc ĐHQG-HCM công nhận.

4. Thí sinh đăng ký miễn thi ngoại ngữ đầu vào là ngoại ngữ nào thì xét đầu ra cũng là ngoại ngữ đó”.

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:

“Điều 10. Người hướng dẫn nghiên cứu sinh

1. Tiêu chuẩn chung của người hướng dẫn:

a. Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài, có nhân thân rõ ràng; có phẩm chất, đạo đức tốt; có sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp; trường hợp người hướng dẫn là nhà khoa học người nước ngoài, nhà khoa học Việt Nam đang làm việc ở nước ngoài thì phải có thỏa thuận về việc hướng dẫn nghiên cứu sinh với Trường;

b. Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ có chuyên môn phù hợp với đề tài luận án của nghiên cứu sinh. Người chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư phải đáp ứng thêm những yêu cầu sau: (i) Có thời gian giảng dạy ở trình độ đại học hoặc thạc sĩ từ 12 tháng trở lên kể từ khi có bằng tiến sĩ; (ii) Trong thời gian 5 năm tính đến thời điểm quyết định công nhận hướng dẫn nghiên cứu sinh có công bố liên quan đến chuyên môn giảng dạy với vai trò là tác giả đứng tên đầu hoặc tác giả liên hệ của 2 bài báo, báo cáo khoa học trong các ấn phẩm được tính tới 0,75 điểm trở lên theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định; hoặc là tác giả hoặc đồng tác giả của 1 sách chuyên khảo do các nhà xuất bản trong nước và quốc tế phát hành hoặc của 1 chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế phát hành.

c. Có năng lực ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ giảng dạy, nghiên cứu và trao đổi khoa học quốc tế.

2. Tiêu chuẩn của người hướng dẫn độc lập, người hướng dẫn chính, người đồng hướng dẫn khi không phân biệt giữa hướng dẫn chính và hướng dẫn phụ:

a. Đáp ứng các tiêu chuẩn quy định khoản 1 Điều này;

b. Trong thời gian 5 năm tính đến thời điểm có quyết định công nhận hướng dẫn nghiên cứu sinh, có kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực chuyên môn liên quan tới đề tài luận án hướng dẫn: là tác giả chính của báo cáo hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục WoS/Scopus hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tới 0,75 điểm trở lên, hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành, hoặc bài công bố đăng trên kỷ yếu hội thảo quốc tế, tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện hoặc có chỉ số ISBN, ISSN; các công bố trên phải đạt tổng điểm từ 4,0 điểm

trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả).

3. Mỗi nghiên cứu sinh có 1 hoặc 2 người hướng dẫn, trong đó có 1 người là cán bộ cơ hữu của Trường hoặc có hợp đồng giảng dạy, nghiên cứu khoa học với Trường theo quy định của pháp luật, với thời hạn của hợp đồng phù hợp với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa của nghiên cứu sinh.

4. Nhiệm vụ và quyền của người hướng dẫn:

a. Thực hiện nhiệm vụ và quyền theo quy định tại các Điều 55, Điều 58 Luật giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018);

b. Tại cùng một thời điểm, người có chức danh giáo sư được hướng dẫn độc lập tối đa 7 nghiên cứu sinh; người có chức danh phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học được hướng dẫn độc lập tối đa 5 nghiên cứu sinh; người có bằng tiến sĩ được hướng dẫn độc lập tối đa 3 nghiên cứu sinh. Trường hợp đồng hướng dẫn 1 nghiên cứu sinh được tính quy đổi tương đương hướng dẫn độc lập 0,5 nghiên cứu sinh. Đối với người hướng dẫn có nhiều công trình khoa học (là tác giả chính có từ 3 công trình khoa học đăng trên tạp chí thuộc danh mục các tạp chí WoS/Scopus mỗi năm, liên tục trong 3 năm gần nhất), có các đề tài hỗ trợ kinh phí cho nghiên cứu sinh, Hiệu trưởng báo cáo ĐHQG-HCM xem xét việc tăng số lượng nghiên cứu sinh được hướng dẫn;

c. Hướng dẫn nghiên cứu sinh chuẩn bị đề cương nghiên cứu trong quá trình đăng ký dự tuyển vào chương trình đào tạo tiến sĩ, và tiếp tục hướng dẫn nghiên cứu sinh học tập, nghiên cứu nếu nghiên cứu sinh trúng tuyển;

d. Hỗ trợ, đánh giá, theo dõi và đôn đốc nghiên cứu sinh thực hiện nhiệm vụ học tập và nghiên cứu khoa học;

e. Thông qua luận án của nghiên cứu sinh, đề nghị đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn và bảo vệ luận án nếu luận án đã đáp ứng những quy định của Quy chế đào tạo tiến sĩ của Trường và ĐHQG-HCM;

f. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của Trường.”

5. Bổ sung khoản 3 Điều 14 như sau:

“Điều 14. Hội đồng tuyển sinh

3. Trách nhiệm và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh:

a. Phổ biến, hướng dẫn, tổ chức thực hiện các quy định của Quy chế tuyển sinh trình độ thạc sĩ và tiến sĩ;

b. Quyết định và chịu trách nhiệm toàn bộ các hoạt động liên quan đến công tác tuyển sinh theo quy định của Quy chế 136;

c. Quyết định thành lập các bộ phận giúp việc cho Hội đồng tuyển sinh gồm: Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh, Ban In sao đề thi, Ban Coi thi, Ban Chấm thi, Ban Chấm lại, Ban Hậu cần, Ban Đề thi, Tiểu ban chuyên môn xét tuyển trình độ thạc sĩ, tiến sĩ và các Tổ giúp việc (nếu có). Các bộ phận này làm việc dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh;

d. Nhận đề thi, đáp án từ Ban Chỉ đạo tuyển sinh ĐHQG-HCM (đối với các môn thi chung trong ĐHQG-HCM) và Ban Đề thi; bàn giao đề thi cho Ban in sao đề thi; bàn giao đề thi đã được in sao cho Trưởng Ban Coi thi; bảo mật đề thi, đáp án theo quy định.

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 18 như sau:

“Điều 18. In sao, vận chuyển và bàn giao đề thi tại Hội đồng thi

1. In sao đề thi

a. Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh ra Quyết định thành lập Ban In sao đề thi gồm Trưởng ban và các ủy viên.

b. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban In sao đề thi:

- In, đóng gói, bảo quản đề thi theo quy định tại Điều 25 Quy chế 136;
- Thành viên Ban In sao đề thi làm việc dưới sự phân công của Trưởng Ban In sao đề thi; chịu trách nhiệm trước Hội đồng tuyển sinh về chất lượng in sao đề thi và quy trình bảo mật đề thi;

- Được cách ly với môi trường bên ngoài từ khi tiếp xúc với đề thi và chỉ được ra khỏi nơi in sao khi các môn thi liên quan đã được tổ chức thi ít nhất 2/3 thời gian đối với môn thi tự luận và hết thời gian làm bài đối với môn thi trắc nghiệm.

c. Trách nhiệm và quyền hạn của Trưởng Ban In sao đề thi

- Nhận đề thi gốc từ Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh;
- Tổ chức, chỉ đạo thực hiện toàn bộ công tác in sao đề thi;
- Chỉ đạo xử lý các tình huống bất thường trong quá trình in sao đề thi;
- Bàn giao đề thi đã được in sao cho Tổ trưởng Tổ Vận chuyển và bàn giao đề thi hoặc Trưởng Điểm thi.

d. Việc in sao đề thi thực hiện theo quy trình dưới đây:

- Đọc soát đề thi gốc, kiểm tra kỹ bản in sao thử, so sánh với bản đề thi gốc trước khi in sao. Trường hợp phát hiện sai sót hoặc có nội dung chưa rõ ràng trong đề thi gốc phải báo cáo ngay với Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh để xử lý;

- Kiểm soát chính xác số lượng đề thi của từng phòng thi, môn thi, ghi tên địa điểm thi, phòng thi, môn thi và số lượng đề thi vào từng phong bì chứa đề thi theo quy định tại Khoản 3 Điều 25 Quy chế 136 trước khi đóng gói đề thi;

- In sao đề thi lần lượt cho từng môn thi. Trong quá trình in sao phải kiểm tra chất lượng bản in sao; các bản in sao thử và hỏng phải được thu lại, bảo quản theo chế độ tài liệu mật;

- Đóng gói đúng số lượng đề thi, đúng môn thi cho từng điểm thi, từng phòng thi. Mỗi môn thi ở điểm thi phải có 01 phong bì chứa đề thi dự bị (đủ các mã đối với đề thi trắc nghiệm);

- Trưởng Ban In sao đề thi niêm phong các đề thi gốc và bàn giao cho Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh ngay sau khi kết thúc buổi thi cuối cùng; hủy các bản in thừa, in hỏng, mờ, xấu, rách, bản đã bị loại ra.

2. Vận chuyển, bàn giao đề thi

a. Tổ trưởng Tổ Vận chuyển và bàn giao đề thi do lãnh đạo Hội đồng tuyển sinh kiêm nhiệm, các ủy viên và cán bộ công an giám sát do Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh quyết định.

b. Tổ Vận chuyển và bàn giao đề thi thực hiện nhiệm vụ nhận đề thi từ Ban In sao đề thi, bảo quản, vận chuyển, phân phối đề thi đến các Điểm thi.

c. Đề thi phải bảo quản trong vali, hòm, tủ hay két sắt được khóa, niêm phong và bảo vệ 24 giờ/ngày, chìa khóa do Tổ trưởng Tổ vận chuyển và bàn giao đề thi giữ.

d. Có biên bản giao nhận đề thi giữa ban In sao đề thi với Tổ Vận chuyển và bàn giao đề thi hoặc Trưởng Điểm thi (trong trường hợp không có Tổ Vận chuyển và bàn giao đề thi), giữa Tổ Vận chuyển và bàn giao đề thi với Trưởng Điểm thi.

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 19 như sau

“Điều 19. Ban Coi thi

1. Thành phần Ban Coi thi gồm: Trưởng ban, Trưởng điểm thi (nếu có), cán bộ coi thi (CBCT), trật tự viên, công an, nhân viên y tế. Trưởng ban Coi thi là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh.

2. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban Coi thi:

- Tập huấn CBCT trước kỳ thi;
- Triển khai nhiệm vụ coi thi, giám sát phòng thi, đảm bảo trật tự tại khu vực thi;
- Xử lý vi phạm đối với cán bộ coi thi và người dự thi trong quá trình tổ chức thi.

3. Trách nhiệm và quyền hạn của Trưởng Ban Coi thi, Trưởng Điểm thi:

a. Trưởng Ban Coi thi chịu trách nhiệm chỉ đạo, điều hành toàn bộ công tác coi thi tại Hội đồng thi, quyết định xử lý các tình huống xảy ra trong các buổi thi theo quy định;

b. Trưởng Điểm thi có trách nhiệm chỉ đạo, điều hành toàn bộ công tác coi thi tại điểm thi do mình phụ trách theo sự phân công của Trưởng Ban Coi thi và theo quy định; nhận đề thi từ Tổ Vận chuyển và bàn giao đề thi hoặc Ban in sao đề thi (trong trường hợp không có Tổ Vận chuyển và bàn giao đề thi)”.
 8. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục 1 như sau:

“Phụ lục 1

1. Chứng chỉ hoặc chứng nhận được công nhận ngoại ngữ đầu vào trình độ thạc sĩ và tiến sĩ theo khung năng lực 6 bậc dành cho Việt Nam.

Chứng chỉ hoặc chứng nhận có thời hạn 02 năm tính từ ngày cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận đến ngày đăng ký dự tuyển, được cấp bởi một cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc ĐHQG-HCM công nhận.

a. Trình độ thạc sĩ

- Chứng chỉ ngoại ngữ đầu vào tối thiểu đạt bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam (tương đương B1 theo CEFR) theo Quy chế đào tạo Đại học hiện hành của ĐHQG-HCM, áp dụng đối với các ngoại ngữ được quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 8 của Quy chế tuyển sinh trình độ thạc sĩ và tiến sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 113/QĐ-ĐHQG ngày 04/02/2021 của Giám đốc ĐHQG-HCM, trong đó chứng chỉ TOEIC của người dự tuyển của mỗi kỹ năng phải đạt điểm tối thiểu là: Nghe: 275; Đọc: 275; Nói: 120 và Viết: 120.

	Ngôn ngữ	Chứng chỉ	Thang điểm tối thiểu tương đương B1
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	45
2		IELTS	4.5
3		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275; Đọc: 275 Nói: 120; Viết: 120
4		Cambridge Exam	Preliminary PET
8	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	JLPT N2

- Chứng chỉ hoặc chứng nhận ngoại ngữ đầu vào tối thiểu đạt bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam (tương đương B1 theo CEFR) của các CSĐT được Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc ĐHQG-HCM công nhận.

b. Trình độ tiến sĩ

Chứng chỉ ngoại ngữ được quy định tại bảng sau hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác đạt tối thiểu bậc 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam (tương đương B2 theo CEFR) của các CSĐT được Bộ Giáo dục và Đào tạo, ĐHQG-HCM công nhận.

	Ngôn ngữ	Chứng chỉ	Thang điểm tối thiểu tương đương B2
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	46
2		IELTS	5.5
3		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 400; Đọc: 385 Nói: 160; Viết: 150
4		Cambridge Assessment English	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill. Thang điểm: 160
8	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	JLPT N3

2. Các trường hợp khác được miễn thi ngoại ngữ

a. Người dự tuyển là công dân Việt Nam được miễn đánh giá năng lực ngoại ngữ khi có một trong những minh chứng sau:

- Có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài mà trong đó ngôn ngữ giảng dạy là ngôn ngữ của môn thi ngoại ngữ, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;

- Có bằng tốt nghiệp trình độ đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam hoặc chương trình kỹ sư chất lượng cao Việt Pháp (PFIEV) được ủy ban bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận, có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng, có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình giảng dạy bằng ngôn ngữ nước ngoài (gồm các môn thuộc kiến thức cơ sở ngành; kiến thức chuyên ngành; kiến thức bổ trợ và luận văn/đồ án/khóa luận) được Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc ĐHQG-HCM công nhận;

- Có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài là tiếng Anh, tiếng Nhật.

b. Người dự tuyển là công dân nước ngoài, lưu học sinh Hiệp định (là người nước ngoài được tiếp nhận học tập tại Việt Nam và được Chính phủ Việt Nam cấp học bổng theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên) nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo bằng ngôn ngữ tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai theo quy định ngoại ngữ của Trường (nếu có). Trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ thì được miễn yêu cầu về ngoại ngữ”.

9. Sửa đổi khoản 3 Phụ lục 7 như sau:

“Phụ lục 7

3. Trách nhiệm của người học dự bị tiến sĩ

- a. Tuân thủ các quy định về học tập, nghiên cứu của Trường;
- b. Thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với quá trình đào tạo theo quy định của Trường. Trường xây dựng quy định cụ thể về kinh phí cho chương trình dự bị tiến sĩ;
- c. Trong thời gian tối đa 24 tháng, người học dự bị tiến sĩ phải hoàn thiện, bổ sung các điều kiện dự tuyển còn thiếu để được xét tuyển nghiên cứu sinh chính thức;
- d. Các trách nhiệm khác theo quy định của Trường”.

Điều 2. Các Ông/Bà Trưởng các Khoa, Phòng, Ban chức năng thuộc Trường chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./. *ph*

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- ĐHQG-HCM (để báo cáo);
- Lưu: VT, ĐTSDH (M).



Nguyễn Hoàng Tú Anh

